

# Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh An Giang

Nguyễn Bách Thắng, Trần Thị Huyền, Lê Thị Hồng Hạnh\*, Huỳnh Thanh Tiến, Châu SôryAly



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Đội ngũ giáo viên mầm non là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục của một đơn vị. Hiện nay theo thống kê của ngành giáo dục tỉnh An Giang, toàn tỉnh có 197 trường mầm non công lập, tư thục, nhà trẻ và trường mẫu giáo với 4.637 cán bộ quản lý, chủ cơ sở cùng với giáo viên và nhân viên. Trình độ chuyên môn của giáo viên mầm non đạt chuẩn là 99,0%, trong đó trên chuẩn là 72,6%. Phương pháp nghiên cứu chính sử dụng là phương pháp điều tra bằng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu. Kết quả nghiên cứu 502 giáo viên mầm non về chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, bao gồm cả trường công lập, trường và cơ sở tư thục, cho thấy đa số giáo viên mầm non có độ tuổi còn khá trẻ, từ 35 tuổi trở xuống, chiếm đến 62,8%; riêng ở độ tuổi từ 36 đến 45 chiếm tỷ lệ 29,5% và trên 45 tuổi là 7,8%. Hầu hết họ tự nhận định rằng bản thân có năng lực, phẩm chất tốt, yêu nghề gắn bó với nhà trường, chiếm tỷ lệ 93,8%; chỉ có 5,4% giáo viên còn phân vân và 0,8% giáo viên tự cho rằng họ chưa có đủ năng lực, phẩm chất, sự yêu nghề và khả năng gắn bó với nhà trường. Tuy nhiên, đội ngũ giáo viên hiện nay vẫn còn một số hạn chế, bất cập trước các yêu cầu đổi mới và hội nhập, một số năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non còn thiếu như năng lực ngoại ngữ, năng lực kiểm tra, đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin. Và cùng với những bất cập trên, tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ vẫn còn tồn tại ở một số địa phương trong tỉnh. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn sâu 36 cán bộ quản lý và 36 giáo viên mầm non cũng cho thấy một số giáo viên mầm non cần được bồi dưỡng một số năng lực liên quan đến hoạt động nghề nghiệp. Bài viết đề xuất một số giải pháp như: (1) Đảm bảo đủ số lượng giáo viên đứng lớp; (2) Tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên, cải tiến phương pháp quản lý chuyên môn; (3) Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng cho giáo viên; (4) Cải cách chế độ tiền lương và tăng cường chăm lo đời sống và điều kiện làm việc cho giáo viên mầm non; (5) Ngành giáo dục cần có những chính sách, hoạt động khuyến khích phù hợp tạo động lực cho giáo viên mầm non trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

**Từ khoá:** chất lượng, giáo dục mầm non, giáo viên mầm non, tỉnh An Giang

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## Liên hệ

**Lê Thị Hồng Hạnh**, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: lthhanh@agu.edu.vn

## Lịch sử

- Ngày nhận: 03-01-2024
- Ngày sửa đổi: 21-8-2024
- Ngày chấp nhận: 29-9-2024
- Ngày đăng:

## DOI:



## Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



## 1 GIỚI THIỆU

2 Trong bất kỳ giai đoạn nào, Đảng và Nhà nước ta luôn  
3 đặt giáo dục là vị trí hàng đầu của quốc gia. Do vậy,  
4 việc xây dựng nền giáo dục chất lượng phù hợp với  
5 sự phát triển của thời đại là yếu tố then chốt trong  
6 đổi mới giáo dục của Việt Nam. Điều này thể hiện rõ  
7 trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng và các nghị quyết.  
8 Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống  
9 giáo dục quốc dân Việt Nam, đặt nền móng cho sự  
10 phát triển toàn diện của con người Việt Nam, thông  
11 qua hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ  
12 3 tháng tuổi đến 6 tuổi. Đồng thời, giáo dục mầm  
13 non còn giúp trẻ phát triển về mọi mặt để trẻ chuẩn bị  
14 bước vào lớp 1<sup>1</sup>. Để đạt được mục tiêu của từng cấp  
15 học, bậc học, ngành giáo dục không ngừng nâng cao  
16 chất lượng đội ngũ giáo viên thông qua các chương  
17 trình bồi dưỡng, chính sách dành cho giáo viên, bởi  
18 vì họ chính là người quyết định chất lượng giáo dục.  
19 Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn  
20 2021-2030 đã chỉ ra mục tiêu cần làm là củng cố, phát

triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với  
điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, đáp  
ứng nhu cầu đến trường của trẻ, từng bước thực hiện  
chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập với  
sự phát triển của quốc tế. Ngành giáo dục An Giang  
tiếp tục củng cố và duy trì chất lượng giáo dục mầm  
non, hoàn thành và nâng cao chất lượng phổ cập cho  
trẻ 5 tuổi, chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho trẻ vào lớp  
1. Ngoài ra, thông tư số 51/2020/TT/BGDĐT cũng  
đã bổ sung, chỉnh sửa yêu cầu về cán bộ quản lý, giáo  
viên trong giáo dục mầm non là phải có trình độ được  
đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại đạt  
trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;  
cán bộ quản lý được xếp loại đạt trở lên theo chuẩn  
hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non<sup>2</sup>.  
Ngành giáo dục tỉnh An Giang nói chung và giáo dục  
mầm non nói riêng đã có những thay đổi tích cực  
về mặt số lượng và chất lượng. Việc thực hiện mục  
tiêu, chương trình, hình thức và phương pháp đào tạo  
trong các nhà trường mầm non được thực hiện khá  
tốt<sup>3</sup>. Hệ thống trường lớp, cả công lập và tư thục đều

**Trích dẫn bài báo này:** Thắng N B, Huyền T T, Hạnh L T H, Tiến H T, SôryAly C. **Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh An Giang.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (0):1-10.

42 phát triển rộng khắp tỉnh, tỷ lệ bình quân giáo viên  
 43 mầm non ngày càng được cải thiện và chất lượng giáo  
 44 viên theo chuẩn nghề nghiệp ngày càng được nâng  
 45 cao, trong 90% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề  
 46 nghiệp thì đạt mức tốt là 62,6%; khá là 34,2%; đạt là  
 47 2,8%; chưa đạt là 0,4%<sup>3</sup>.  
 48 Tuy nhiên vẫn còn tồn tại ở đó một số hạn chế như:  
 49 tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ; mẫu giáo 3, 4 tuổi ra lớp và  
 50 trẻ mẫu giáo học bán trú còn thấp. Còn 99 phòng học  
 51 mượn, nhờ các trường tiểu học, trung học cơ sở, thiếu  
 52 bếp ăn tổ chức hoạt động bán trú. Tỷ lệ giáo viên mầm  
 53 non/ nhóm, lớp chưa đáp ứng được mức tối đa theo  
 54 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT (Bộ Giáo dục và  
 55 Đào tạo, 2015) về việc quy định danh mục khung vị trí  
 56 việc làm và định mức số lượng người làm việc trong  
 57 các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Các điểm lẻ  
 58 ghép trường tiểu học có diện tích chật hẹp, thiếu cây  
 59 xanh, khó bố trí các góc chơi đáp ứng yêu cầu nội  
 60 dung xây dựng môi trường giáo dục theo hướng lấy  
 61 trẻ làm trung tâm. Các lớp ghép 2-3 độ tuổi, lớp có  
 62 đa số trẻ dân tộc... khiến giáo viên gặp khá nhiều khó  
 63 khăn trong tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm đáp  
 64 ứng mục tiêu, khả năng cho trẻ theo lứa tuổi. Công  
 65 tác xã hội hóa huy động nguồn lực tại các vùng nông  
 66 thôn, miền núi còn gặp nhiều khó khăn<sup>3</sup>. Công tác  
 67 quản lý và phát triển đội ngũ giáo viên mầm non theo  
 68 chuẩn nghề nghiệp cũng bộc lộ nhiều hạn chế<sup>4</sup>.  
 69 Thời gian qua, tỉnh An Giang cũng đã ban hành nhiều  
 70 văn bản, kế hoạch, hướng dẫn nhằm nâng cao chất  
 71 lượng giáo viên mầm non cũng như chất lượng giáo  
 72 dục - chăm sóc trẻ. Cụ thể như kế hoạch 85/KH-  
 73 UBND 2019 về đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ  
 74 thống giáo dục quốc dân An Giang và các hướng dẫn  
 75 thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho  
 76 cán bộ quản lý và giáo viên mầm non theo từng năm  
 77 học. Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ cấp học  
 78 mầm non năm học 2022-2023 của Sở Giáo dục và Đào  
 79 tạo tỉnh An Giang đã chỉ ra những phương diện đã  
 80 đạt được như “Hệ thống trường mầm non được quy  
 81 hoạch hợp lý, đáp ứng cơ bản nhu cầu trẻ mẫu giáo ra  
 82 lớp, thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non  
 83 cho trẻ em 5 tuổi và nâng cao chất lượng chăm sóc,  
 84 nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Đội ngũ cán bộ quản lý và  
 85 giáo viên mầm non đạt chuẩn và trên chuẩn về trình  
 86 độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ  
 87 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ”<sup>3</sup>. Trước tình  
 88 trạng trên, chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục  
 89 mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” tiếp  
 90 tục được triển khai, trong đó ưu tiên cho việc trang bị  
 91 các cơ sở vật chất cho các trường học, đồng thời bồi  
 92 dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên đáp ứng đủ  
 93 yêu cầu để thực hiện một cách hiệu quả chương trình  
 94 giáo dục mầm non.

Chính vì vậy, bài viết này đề cập đến thực trạng chất  
 lượng đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh An Giang hiện  
 nay, kết quả nghiên cứu là cơ sở để chúng tôi hiểu rõ  
 hơn hiện trạng đội ngũ giáo viên mầm non của tỉnh,  
 từ đó giúp cho người làm công tác giáo dục có cái nhìn  
 khách quan và hoạch định các chương trình, chính  
 sách nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng  
 đội ngũ giáo viên mầm non tỉnh An Giang trong thời  
 gian tới. Với mục đích trên, bài viết lần lượt trả lời các  
 câu hỏi: (1) Số lượng và cơ cấu của giáo viên mầm non  
 tỉnh An Giang hiện nay như thế nào?; (2) Phẩm chất  
 và năng lực của giáo viên mầm non tỉnh An Giang đạt  
 được như thế nào so với quy định chuẩn nghề nghiệp  
 của Bộ Giáo dục và Đào tạo?

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

### Một số khái niệm

Đội ngũ giáo viên mầm non là tập hợp những người  
 làm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong  
 nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập<sup>5</sup>.  
 Giáo viên được hiểu là “nhà giáo giảng dạy ở cơ sở  
 giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo  
 dục khác, giảng dạy trình độ sơ cấp, trung cấp gọi là  
 giáo viên”<sup>1</sup>. Đội ngũ giáo viên bao gồm những giáo  
 viên được hợp thành một lực lượng lao động sư phạm,  
 có chung lý tưởng đào tạo, mục đích, nhiệm vụ nhằm  
 đào tạo ra sản phẩm lao động sư phạm đó là “nhân  
 cách người được giáo dục”. Họ thực hiện một cách  
 thống nhất các quy định liên quan đến hoạt động nghề  
 nghiệp<sup>1</sup>.

Trong nghiên cứu này, đội ngũ giáo viên mầm non bao  
 gồm những giáo viên được hợp thành một lực lượng  
 lao động sư phạm trong các cơ sở giáo dục mầm non.  
 Họ có chung lý tưởng và mục đích chính là giúp trẻ từ  
 3 tháng cho đến 5 tuổi phát triển toàn diện về thể chất,  
 tinh thần, trí tuệ, thẩm mỹ, phát triển tâm lý và hình  
 thành nhân cách cho trẻ, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.  
 Phẩm chất là tư tưởng, đạo đức, phong cách làm việc  
 của giáo viên trong thực hiện công việc, nhiệm vụ<sup>5</sup>.  
 Năng lực là khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ  
 của giáo viên<sup>5</sup>.

Chất lượng của giáo viên mầm non được đánh giá  
 thông qua việc họ là những cá nhân chăm sóc, nuôi  
 dưỡng và giáo dục trẻ em tại các cơ sở giáo dục như  
 trường mầm non, nhà trẻ, nhóm trẻ, và lớp mẫu giáo.  
 Để đảm bảo chất lượng, họ cần phải có những phẩm  
 chất và năng lực cần thiết. Chất lượng đội ngũ giáo  
 viên mầm non được thể hiện ở nhiều yếu tố, trong đó  
 có các tiêu chuẩn chính như năng lực chuyên môn,  
 năng lực sư phạm (lập kế hoạch dạy học, phương pháp  
 dạy), ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực ngoại  
 ngữ, năng lực phát triển nghề nghiệp và phẩm chất.

146 **Một số yêu cầu về giáo viên mầm non**

147 **Yêu cầu về số lượng**

148 Theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-  
149 BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung  
150 vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc  
151 trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập được xác  
152 định bởi số lớp học và định mức biên chế giáo viên  
153 như sau:

154 a) Những nơi bố trí đủ số trẻ tối đa theo nhóm trẻ hoặc  
155 lớp mẫu giáo theo quy định tại Điều 3 của Thông tư  
156 liên tịch này thì định mức giáo viên mầm non được  
157 xác định như sau: (1) Đối với nhóm trẻ: Bố trí tối đa  
158 2,5 giáo viên/nhóm trẻ; (2) Đối với lớp mẫu giáo học  
159 02 buổi/ngày: Bố trí tối đa 2,2 giáo viên/lớp; (3) Đối  
160 với lớp mẫu giáo học 01 buổi/ngày: Bố trí tối đa 1,2  
161 giáo viên/lớp.

162 b) Những nơi không đủ số trẻ để bố trí theo nhóm  
163 trẻ hoặc lớp mẫu giáo quy định tại Điều 3 của Thông  
164 tư liên tịch này thì định mức giáo viên mầm non sẽ  
165 tính trên số trẻ bình quân theo từng độ tuổi của từng  
166 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cụ thể: (1) Đối với nhóm trẻ:  
167 01 giáo viên nuôi dạy 06 trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi  
168 hoặc 08 trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi hoặc 10 trẻ từ 25  
169 đến 36 tháng tuổi; (2) Đối với lớp mẫu giáo học 02  
170 buổi ngày: 01 giáo viên nuôi dạy 11 trẻ từ 3 đến 4 tuổi  
171 hoặc 14 trẻ từ 4 đến 5 tuổi hoặc 16 trẻ từ 5 đến 6 tuổi;  
172 (3) Đối với lớp mẫu giáo học 01 buổi/ngày: 01 giáo  
173 viên nuôi dạy 21 trẻ từ 3 đến 4 tuổi hoặc 25 trẻ từ 4  
174 đến 5 tuổi hoặc 29 trẻ từ 5 đến 6 tuổi<sup>6</sup>.

175 **Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo  
176 viên mầm non**

177 Các phẩm chất và năng lực mà giáo viên mầm non  
178 cần có được quy định cụ thể như sau<sup>5</sup>: (1) Năng lực  
179 chuyên môn: Được đào tạo đúng chuyên ngành, nắm  
180 vững và có khả năng vận dụng được kiến thức về khoa  
181 học Giáo dục Mầm non qua đào tạo, bồi dưỡng theo  
182 quy định của pháp luật vào thực tiễn hoạt động chăm  
183 sóc, giáo dục trẻ; (2) Năng lực nghiệp vụ sư phạm: Có  
184 kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu  
185 cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục phát  
186 triển toàn diện cho trẻ theo chương trình giáo dục  
187 mầm non và nhu cầu phát triển của trẻ; (3) Năng lực  
188 ứng dụng công nghệ thông tin: Ứng dụng được các  
189 phần mềm công nghệ thông tin trong hoạt động chăm  
190 sóc, giáo dục trẻ; (4) Năng lực ngoại ngữ (hoặc tiếng  
191 dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số): Có kiến thức, kỹ  
192 năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc; có khả  
193 năng sử dụng ngoại ngữ (hoặc tiếng dân tộc ở vùng  
194 dân tộc thiểu số) và ứng dụng công nghệ thông tin  
195 trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; (5) Có các  
196 phẩm chất của giáo viên mầm non: phẩm chất chính

trị (lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành các chủ  
trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của  
Nhà nước, các quy định của ngành, của địa phương  
và nhà trường), đạo đức nghề nghiệp (yêu thương, tôn  
trọng, công bằng, gần gũi với trẻ; yêu nghề, kiên nhẫn,  
biết tự kiểm chế, có tinh thần trách nhiệm) và giữ gìn  
đạo đức, uy tín, danh dự nhà giáo.

Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định  
chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non của Bộ Giáo  
dục và Đào tạo<sup>5</sup>, chất lượng giáo viên được xem xét ở  
các yếu tố sau:

(1) *Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.* Giáo viên mẫu  
giáo phải đạt trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy  
định. Tham gia đầy đủ các khóa học tập và hoàn thành  
các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ,  
nắm vững chuyên môn, học tập chia sẻ kinh nghiệm,  
bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực chuyên  
môn và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới  
giáo dục, nâng cao tay nghề, tổ chức hoạt động chăm  
sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phát triển toàn diện mọi  
mặt theo nội dung chương trình giáo dục mầm non.  
Chủ động xây dựng các kế hoạch giáo dục, linh hoạt  
điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục theo nội dung  
chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với nhu  
cầu, tâm sinh lý và sự phát triển của trẻ trong nhóm,  
lớp nhà trường. Thực hiện được các phương pháp  
quan sát, phân tích và đánh giá trẻ em, từ đó kịp thời  
điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo  
dục trẻ. Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về hồ  
sơ sổ sách quản lý trẻ em, hồ sơ sổ sách quản lý cơ sở  
vật chất và quản lý hồ sơ sổ sách của nhóm, lớp theo  
độ tuổi quy định.

(2) *Sử dụng ngoại ngữ (hoặc tiếng dân tộc), ứng dụng  
công nghệ thông tin, thể hiện khả năng nghệ thuật trong  
hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.* Sử  
dụng được một ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc  
tiếng dân tộc đối với vùng dân tộc thiểu số, ứng dụng  
công nghệ thông tin, thể hiện khả năng nghệ thuật  
trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ  
em<sup>5</sup>.

(3) *Phẩm chất nhà giáo.* Thực hiện nghiêm chỉnh các  
quy định và rèn luyện đạo đức nhà giáo, đạo đức nghề  
nghiệp, học tập chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ giúp đỡ  
đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và xây dựng tác  
phong, phong cách nhà giáo. Có tác phong tốt, có  
phương pháp làm việc khoa học, phù hợp với công  
việc của giáo viên mầm non, có ý thức tự rèn luyện,  
tạo dựng phong cách làm việc khoa học, là tấm gương  
mẫu mực về phong cách làm việc khoa học, tôn trọng,  
gần gũi trẻ em và cha mẹ trẻ, có ảnh hưởng tốt và hỗ  
trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo.

(4) *Xây dựng môi trường giáo dục.* Thực hiện nghiêm  
túc về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, không

250 bạo hành trẻ em, môi trường lành mạnh và thân thiện;  
 251 thực hiện tốt các nội quy, quy định của nhà trường  
 252 và thực hiện nghiêm túc quyền dân chủ trong nhà  
 253 trường. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ các  
 254 quyền của trẻ em.

255 (5) *Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình*  
 256 *và cộng đồng*. Tổ chức và thực hiện việc xây dựng phát  
 257 triển mối quan hệ hợp tác, phối hợp giữa cha, mẹ trẻ  
 258 hoặc người giám hộ trẻ em với cộng đồng, nhằm nâng  
 259 cao chất lượng hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo  
 260 dục trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em.

## 261 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 262 Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

263 Nghiên cứu sử dụng các phiếu hỏi để thu thập ý kiến  
 264 thực tế từ 502 giáo viên mầm non ở 06 huyện/ thành  
 265 phố trên địa bàn tỉnh An Giang. Cỡ mẫu được lấy  
 266 theo nguyên tắc không lặp lại và được tính theo bảng  
 267 tính cỡ mẫu khi lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản với độ  
 268 tin cậy 99% và mức ý nghĩa 0,05 của Krejcie & Mor-  
 269 gan<sup>7</sup>. Những người tham gia khảo sát được mời trả  
 270 lời một bảng hỏi bán cấu trúc. Bảng hỏi này bao gồm  
 271 hai phần chính: phần 1 là thông tin của người trả lời  
 272 và phần 2 là nội dung nghiên cứu. Trong phần 2, các  
 273 câu hỏi về chất lượng giáo viên được đưa vào bảng  
 274 hỏi theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ban hành quy  
 275 định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non của Bộ  
 276 Giáo dục và Đào tạo<sup>5</sup> và được đo lường theo thang đo  
 277 5 mức độ: Không đồng ý, Ít đồng ý, Phân vân/trung  
 278 bình, Đồng ý, Rất đồng ý. Sau khi xử lý thống kê, các  
 279 nội dung về chất lượng giáo viên được quy ước đánh  
 280 giá theo 4 mức độ sau: Không đồng ý, Ít đồng ý = Còn  
 281 hạn chế; Phân vân/trung bình = Đạt, Đồng ý = Khá,  
 282 Rất đồng ý = Tốt.

283 Dữ liệu định lượng từ các phiếu điều tra, khảo sát  
 284 được làm sạch, loại bỏ phiếu không hợp lệ, nhập,  
 285 thống kê và phân tích trên phần mềm SPSS 20.  
 286 Phương pháp phân tích dữ liệu thống kê mô tả (de-  
 287 scriptive analysis of all data) theo tỷ lệ % được thực  
 288 hiện để tìm hiểu những đánh giá về chất lượng giáo  
 289 viên mầm non. Tất cả các phân tích và kiểm định được  
 290 xác lập ở mức ý nghĩa  $p < 0.05$ .

### 291 Phương pháp phỏng vấn sâu

292 Nghiên cứu còn thực hiện phỏng vấn sâu 36 lãnh  
 293 đạo/quản lý và 36 giáo viên của các cơ sở giáo dục  
 294 mầm non để làm rõ vấn đề nghiên cứu, trong đó  
 295 những người được phỏng vấn sâu không trùng lặp với  
 296 những người đã tham gia khảo sát bằng bảng câu hỏi.  
 297 Nội dung phỏng vấn là các thông tin liên quan đến  
 298 đánh giá đội ngũ giáo viên mầm non, bao gồm năng  
 299 lực, phẩm chất, kiến thức, kỹ năng, thái độ, khó khăn,

thuận lợi, kết quả, kiến nghị. Dữ liệu định tính từ các  
 cuộc phỏng vấn sâu được tổng hợp thành dạng văn  
 bản theo nội dung từng chủ đề phân tích và mã hóa  
 theo CBQLTT/ TC và GVMN TT/ TC. Các mã này  
 được gắn liền với số thứ tự phỏng vấn.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Số lượng và cơ cấu giáo viên mầm non tại tỉnh An Giang

Theo số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh  
 An Giang năm 2023, trên địa bàn tỉnh An Giang có  
 197 trường mầm non, trong đó có 179 trường công  
 lập và 18 trường tư thục. Ngoài ra, tỉnh còn có 157  
 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục độc lập<sup>4</sup>.

Theo số liệu thống kê tại Bảng 1, tỉnh An Giang có  
 tổng cộng 4.637 cán bộ quản lý, chủ cơ sở, giáo viên và  
 nhân viên mầm non, trong đó có 460 cán bộ quản lý;  
 153 chủ cơ sở; 2.970 giáo viên và 1.054 người lao động.  
 Hiện tại, tỷ lệ giáo viên mầm non trên một nhóm, lớp  
 ở tỉnh An Giang là 2.962 giáo viên/1.886 nhóm và lớp,  
 tương đương với 1,57 giáo viên/một nhóm và lớp (xếp  
 theo chỉ tiêu lớp bán trú là 2.0 giáo viên; 2 buổi/ngày  
 là 1,5 giáo viên và 1 buổi là 1,0 giáo viên/lớp), bình  
 quân tỷ lệ giáo viên tăng 10-15% mỗi năm. Mặc dù  
 đã quan tâm phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và  
 cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, hợp lý về cơ  
 cấu, song tỉnh An Giang vẫn xảy ra tình trạng thừa -  
 thiếu giáo viên mầm non cục bộ so với định mức ở  
 các địa phương. Cụ thể là năm học 2022- 2023, toàn  
 tỉnh An Giang thừa 26 giáo viên và thiếu đến 952 giáo  
 viên<sup>4</sup>.

Hầu hết giáo viên mầm non là nữ và có trình độ  
 chuyên môn đạt chuẩn là 99,0%, trong đó trên chuẩn  
 là 72,6%. Toàn tỉnh có 97,67% (2.893/2.962) giáo viên  
 mầm non được đánh giá ở mức độ “Tốt” và “Khá tốt”;  
 5,98% (177/2.962) giáo viên được đánh giá ở “Đạt” và  
 0,51% (15/2.962) giáo viên bị đánh giá ở mức “Không  
 đạt”. 100% giáo viên mầm non được hỗ trợ đầy đủ,  
 kịp thời các chính sách theo quy định của pháp luật  
 như lương, phụ cấp chức vụ, bảo hiểm xã hội, bảo  
 hiểm y tế, chính sách ưu đãi đối với giáo viên làm việc  
 ở những môi trường có điều kiện đặc biệt khó khăn,  
 vùng đồng bào dân tộc thiểu số<sup>4</sup>.

Số liệu trên cho thấy hầu hết cán bộ quản lý, giáo viên  
 mầm non tại tỉnh An Giang đều đạt chuẩn và vượt  
 chuẩn so với yêu cầu của đơn vị quản lý giáo dục mầm  
 non. Tuy nhiên, tỉnh cũng ghi nhận một số hạn chế về  
 đội ngũ giáo viên như tỷ lệ giáo viên mầm non trong  
 mỗi tổ, lớp chưa đạt mức tối đa theo Thông tư liên  
 tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015  
 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc quy  
 định danh mục khung vị trí việc làm và định mức số

**Bảng 1: Đội ngũ quản lý và giáo viên mầm non tỉnh An Giang năm 2022<sup>4</sup>**

Chức danh chuyên môn	Quản lý trường công	Chủ cơ sở trường tư/ tư thực	Giáo viên	Người lao động
Số lượng	460	153	2.970	1.054
Tổng cộng	4.637			

Có 99% giáo viên mầm non đạt tiêu chuẩn (đại học trở lên), trong đó có 72,6% trên chuẩn (Theo Luật Giáo dục Việt Nam<sup>1</sup>, giáo viên mầm non có bằng đại học được coi là có trình độ hoặc đạt tiêu chuẩn hóa).

351 lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm  
352 non công lập. Đồng thời, nguồn tuyển dụng giáo viên  
353 mầm non chưa đảm bảo; nhiều trường mầm non trên  
354 địa bàn tỉnh có nhu cầu tuyển dụng nhưng không có  
355 người nộp hồ sơ, trong khi đó nhiều trường khác lại có  
356 rất nhiều người đăng ký dự tuyển vì gần nhà hoặc có  
357 chế độ chính sách tốt (thừa - thiếu giáo viên cục bộ).  
358 Mặt khác, hầu hết giáo viên trong các cơ sở mầm non  
359 tư thực là giáo viên làm việc tạm thời, ký hợp đồng và  
360 chế độ tiền lương chưa đáp ứng nhu cầu cuộc sống.  
361 Vì vậy tình hình giáo viên không ổn định, thay đổi  
362 thường xuyên, khiến chất lượng chăm sóc, giáo dục  
363 của cơ sở bị ảnh hưởng<sup>4</sup>.

#### 364 **Chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non**

365 Kết quả tự đánh giá của 502 giáo viên mầm non, bao  
366 gồm cả trường công lập, trường và cơ sở tư thực cho  
367 thấy đa số giáo viên mầm non có độ tuổi còn khá trẻ,  
368 từ 35 tuổi trở xuống, chiếm đến 62,8%; riêng ở độ tuổi  
369 từ 36 đến 45 chiếm tỷ lệ 29,5% và trên 45 tuổi là 7,8%.  
370 Hầu hết họ tự nhận định rằng bản thân có năng lực,  
371 phẩm chất tốt, yêu nghề gắn bó với nhà trường, chiếm  
372 tỷ lệ 93,8%; chỉ có 5,4% giáo viên còn phân vân và  
373 0,8% giáo viên tự cho rằng họ chưa có đủ năng lực,  
374 phẩm chất, sự yêu nghề và khả năng gắn bó với nhà  
375 trường. Kết quả này cũng tương đồng với nhận định  
376 của cán bộ quản lý khi cho rằng đội ngũ giáo viên  
377 mầm non hiện nay đa số là đạt chuẩn và trên chuẩn, có  
378 năng lực chuyên môn khá tốt, kiến thức vững, tương  
379 tác tốt với học sinh và có khả năng đáp ứng được yêu  
380 cầu đổi mới giáo dục mầm non trong thời gian tới.  
381 Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, các nhà quản lý  
382 và chính giáo viên cũng cho rằng đội ngũ giáo viên  
383 mầm non cần phải chủ động đầu tư về chuyên môn,  
384 kỹ năng, nghiệp vụ hơn nữa, cụ thể:

385 - *Đội ngũ giáo viên của trường chủ yếu tốt nghiệp từ*  
386 *Đại học An Giang. Họ là những người trẻ, năng động*  
387 *yêu nghề, nhiệt huyết với nghề. Năng lực chuyên môn*  
388 *khá tốt, kiến thức vững, khơi gợi được sự tương tác của*  
389 *học sinh, tạo được hứng thú cho học sinh; thái độ của*  
390 *giáo viên thì dễ chịu, niềm nở, vui vẻ, nhưng cần bồi*

391 *dưỡng thêm kiến thức và kỹ năng về giáo dục chăm sóc*  
392 *tâm lý và một số vấn đề đặc biệt như tự kỷ (CBQLTT*  
393 *01).*

394 - *Giáo viên chưa tận dụng hết những kiến thức và kỹ*  
395 *năng vào thực tế ví dụ như phương pháp dạy học lấy*  
396 *trẻ làm trung tâm nên ban quản lý nhà trường thường*  
397 *phải theo sát để nhắc nhở kiểm tra (CBQLTT 02).*

398 - *Năng lực chuyên biệt của bậc học mầm non còn*  
399 *hạn chế: năng khiếu múa hát, kể chuyện và đọc thơ*  
400 *(CBQLTT 03).*

401 - *Giáo viên trong trường có khả năng đáp ứng trước*  
402 *những yêu cầu về đổi mới giáo dục vì đảm bảo được*  
403 *năng lực theo chuẩn của giáo viên mầm non. Bên cạnh*  
404 *đó giáo viên chủ động tự học hỏi và ban giám hiệu tạo*  
405 *điều kiện tham gia bồi dưỡng đào tạo nâng cao năng*  
406 *lực của giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo*  
407 *dục mầm non (GVMNTC 01).*

408 - *Tôi có khả năng đáp ứng tốt trước những yêu cầu đổi*  
409 *mới giáo dục đào tạo mầm non vì có trình độ và kinh*  
410 *nghiệm chuyên môn tốt nên thích nghi được với sự thay*  
411 *đổi. Đồng thời tôi cũng thường xuyên được nhà trường*  
412 *bồi dưỡng tập huấn và được tham gia các lớp bồi dưỡng*  
413 *của phòng giáo dục (GVMNTT 02).*

414 [Nguồn: Nhóm tác giả]

#### 415 **Năng lực chuyên môn của giáo viên mầm non** 416 **tỉnh An Giang**

417 Xét về năng lực chuyên môn, kết quả khảo sát đánh  
418 giá của giáo viên ở Bảng 2 cho thấy năng lực chuyên  
419 môn của đội ngũ giáo viên mầm non chủ yếu được  
420 đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá”, tỷ lệ dao động lần lượt  
421 từ 35,7% đến 58,0% và từ 38,6% đến 45,8%.

422 Ở mức “Tốt”, tiêu chí “Nắm vững mục tiêu, nội dung  
423 chương trình giáo dục mầm non” và “Nắm vững kiến  
424 thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non” nhận  
425 được tự đánh giá cao nhất của giáo viên, với tỷ lệ đánh  
426 giá lần lượt là 58,0% và 55,4%. Điều này chứng tỏ,  
427 về cơ bản, đội ngũ giáo viên mầm non có nhận thức  
428 tốt về chương trình giáo dục mầm non và kiến thức  
429 chuyên môn về lứa tuổi trẻ mầm non. Đây được xem  
430 là điều kiện thuận lợi trong chỉ đạo triển khai, tổ chức

**Bảng 2: Tự đánh giá của giáo viên mầm non về năng lực chuyên môn [Nguồn: Nhóm tác giả]**

STT	Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Còn hạn chế
1	Hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non	53,4	40,8	5,0	0,8
2	Có kiến thức về giảng dạy ở bậc mầm non, trong đó có giáo dục hòa nhập cho trẻ tàn tật, khuyết tật	35,7	45,4	14,7	4,2
3	Nắm vững mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non	58,0	38,6	2,4	1,0
4	Có kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ	55,0	42,2	1,8	1,0
5	Nắm vững kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non	55,4	42,4	1,4	0,8
6	Nắm vững kiến thức cơ sở chuyên ngành	47,4	45,8	5,8	1,0

đổi mới giáo dục mầm non trong thời gian tới. Riêng ở mức “Khá”, tiêu chí “Có kiến thức về giảng dạy ở bậc mầm non, trong đó có giáo dục hòa nhập cho trẻ tàn tật, khuyết tật” và “Nắm vững kiến thức cơ sở chuyên ngành” có tỷ lệ lần lượt là 45,4% và 45,8%. Kết quả này cũng cho thấy giáo viên mầm non có kiến thức về phương pháp dạy học mầm non, phương pháp giáo dục hòa nhập và được đào tạo đúng chuyên ngành hoặc được bồi dưỡng về mầm non.

Bên cạnh những giáo viên đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá”, Bảng 2 cũng cho thấy vẫn còn 14,7% giáo viên mầm non “có kiến thức về giáo dục mầm non bao gồm giáo dục hòa nhập trẻ tàn tật, khuyết tật” chỉ ở mức “Đạt”. Ngoài ra, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ giáo viên mầm non tự đánh giá ở mức “Còn hạn chế”; trong đó tiêu chí được nhiều giáo viên đánh giá ở mức “Còn hạn chế” nhiều nhất là “Kiến thức về giảng dạy ở bậc mầm non, trong đó có giáo dục hòa nhập cho trẻ tàn tật, khuyết tật” (4,2%). Đây thường là những giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non tư thục và phụ trách công việc chăm sóc cũng như nuôi dưỡng trẻ. Theo nhận định của một số cán bộ quản lý trường/cơ sở tư thục, năng lực giảng dạy của giáo viên ở mức tương đối nên cần được nhắc nhở và hướng dẫn thêm, cụ thể “Năng lực chuyên biệt của bậc học mầm non còn hạn chế: năng khiếu múa hát, kể chuyện và đọc thơ” (CBQL 01).

### Năng lực ứng nghiệp vụ sư phạm

Xét về năng lực nghiệp vụ sư phạm, kết quả khảo sát tự đánh giá của giáo viên mầm non tại Hình 1 cho thấy đa số giáo viên mầm non đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá”, với tỷ lệ dao động từ 37,1% đến 49,6% và từ 40,2% đến 56,2%. Trong đó, hai tiêu chí được đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá” cao nhất là “Có khả năng lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ” (96,2%) và “Nắm vững kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm

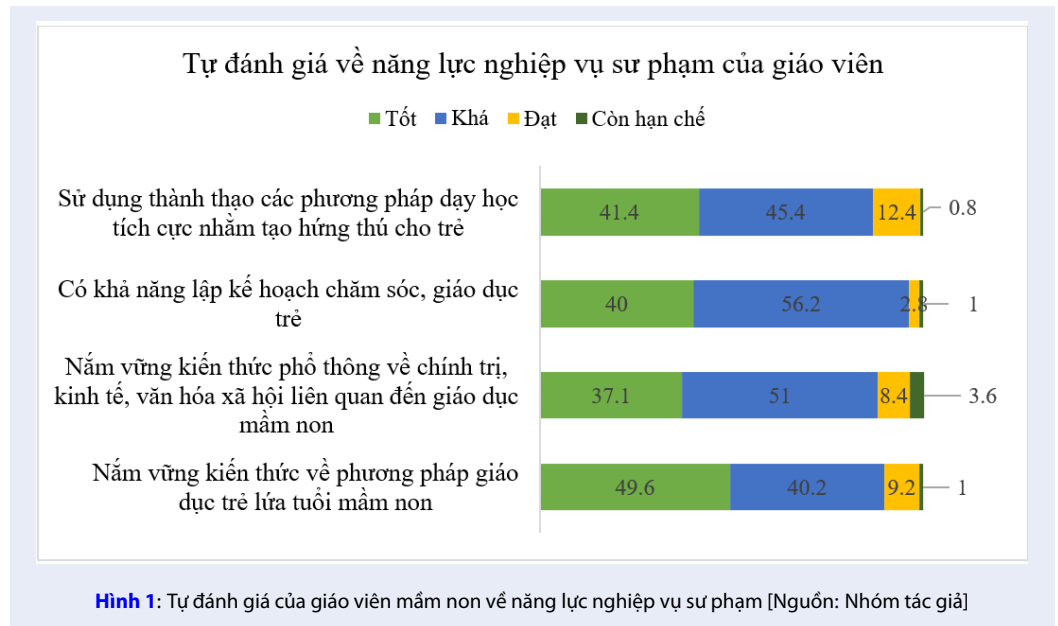
non” (89,8%). Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy, tiêu chí “Sử dụng thành công các phương pháp dạy học tích cực nhằm tạo hứng thú cho trẻ” được giáo viên đánh giá ở mức “Đạt” cao nhất, với tỷ lệ 12,4% và tiêu chí “Nắm vững kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội liên quan đến giáo dục mầm non” được giáo viên đánh giá ở mức “Còn hạn chế”, với tỷ lệ 3,6%. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nâng cao kiến thức và kỹ năng cho giáo viên mầm non trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm tạo hứng thú cho trẻ em và kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội liên quan đến giáo dục mầm non.

### Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Xét về năng lực ứng dụng công nghệ thông tin tại Bảng 3, hai tiêu chí “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp” và “Có khả năng tự cập nhật thông tin về nghề nghiệp” nhận được đánh giá “Tốt” và “Khá” của đa số giáo viên, với tỷ lệ lần lượt là 94% và 91,8%. Kết quả này cho thấy, đội ngũ giáo viên đều có khả năng soạn được bài giảng điện tử cũng như biết cách sử dụng các phần mềm hiện đại khác để thực hiện công việc của bản thân và có sự hỗ trợ, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm cho đồng nghiệp. Đồng thời, đa số họ cũng có khả năng cập nhật các thông tin, văn bản, chính sách, chương trình và nội dung liên quan đến nghề nghiệp. Tuy nhiên có một tỷ lệ nhỏ giáo viên mầm non (dao động từ 0,8-1,2%) gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và tự cập nhật thông tin về nghề nghiệp, đây thường là những giáo viên lớn tuổi (“Một số giáo viên lớn tuổi ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm” (CBQLTC 04).

### Năng lực ngoại ngữ

Về năng lực ngoại ngữ, kết quả phỏng vấn sâu cả cán bộ quản lý và giáo viên đều cho thấy nhiều giáo viên



**Bảng 3:** Tự đánh giá của giáo viên về năng lực ứng dụng công nghệ thông tin [Nguồn: Nhóm tác giả]

STT	Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Còn hạn chế
1	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp	37,8	56,2	5,2	0,8
2	Có khả năng tự cập nhật thông tin về nghề nghiệp	40,4	51,4	7,0	1,2

mầm non còn hạn chế về ngoại ngữ. Đặc biệt là việc ứng dụng ngoại ngữ vào giảng dạy mầm non cũng như học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên mầm non cũng chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, cụ thể:

508 - *Nhiều giáo viên chưa thành thạo tiếng Anh (CBQLTC 05)*

510 - *Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của giáo viên chưa tốt (CBQL 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18)*

512 - *Giáo viên sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế (CBQL 20, 21, 22, 23, 24, 25)*

514 *Ít sử dụng tiếng Anh khi thực hiện công việc nên kỹ năng ngoại ngữ còn chưa tốt (GVMN 01, 02, 03, 04, 07, 08)*

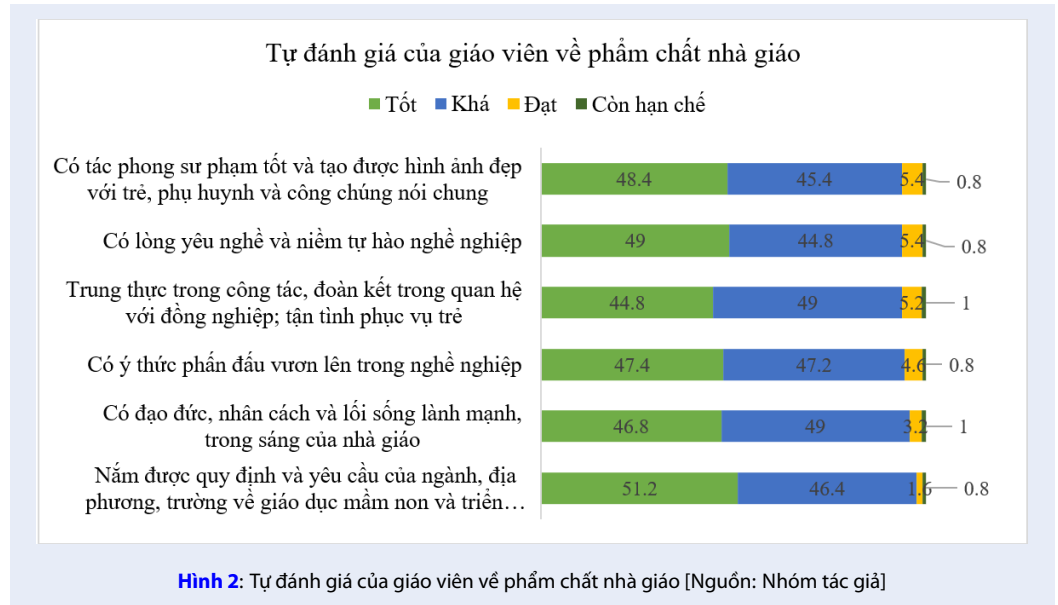
516 [Nguồn: Nhóm tác giả]

**517 Năng lực phát triển nghề nghiệp và phẩm chất nhà giáo**

519 Xét về phẩm chất nhà giáo, xây dựng môi trường giáo dục và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng, kết quả tự đánh giá của giáo viên mầm non ở Hình 2 cho thấy, phẩm chất nhà giáo - xây dựng môi trường giáo dục và mối quan hệ tốt đẹp với phụ huynh, cộng đồng đều được hầu hết giáo viên đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá”, với tỷ lệ dao động lần lượt từ 44,8% đến 51,2% và từ 44,8% đến 49%.

Ở mức “Tốt”, tiêu chí “*Nắm được quy định và yêu cầu của ngành, địa phương, trường về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được*” nhận được đánh giá cao nhất, với tỷ lệ 51,2%. Riêng ở mức “Khá”, tiêu chí “*Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo*” và “*Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục trẻ*” nhận được đánh giá cao nhất của giáo viên, với tỷ lệ là 49%.

Khi gộp mức “Khá” và “Tốt”, kết quả cho thấy, tiêu chí “*Chấp hành tốt các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động*” được đánh giá cao nhất, với tỷ lệ 97,6% và ba tiêu chí “*Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ*”, “*Có lòng yêu nghề và niềm tự hào nghề nghiệp*”, “*Có tác phong sư phạm tốt và tạo được hình ảnh đẹp với trẻ, phụ huynh và công chúng nói chung*” được đánh giá thấp nhất, với tỷ lệ 93,8%. Kết quả này cũng phù hợp với nhiều nhận định của cán bộ quản lý các trường mầm non khi cho rằng, hầu hết giáo viên có phẩm chất tốt, yêu trẻ, giao tiếp hòa nhã với phụ huynh. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ, dao động từ 0,8% đến 1% còn hạn chế về phẩm chất nhà giáo (“*Một số giáo viên giao tiếp với phụ huynh còn chưa khéo léo*” (CBQLTC26)).



552 Để nâng cao chất lượng giáo viên mầm non trên địa  
 553 bàn tỉnh An Giang, kết quả khảo sát tại Bảng 4 cho  
 554 thấy đa số giáo viên mầm non “Rất đồng ý và đồng  
 555 ý” với các phương án tăng lương, chăm lo đời sống  
 556 cho giáo viên, cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức tốt  
 557 công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn,  
 558 kiểm tra đánh giá, cải cách quản lý và tạo điều kiện  
 559 tham gia, với tỷ lệ từ 89,2% đến 93,7%. Lý do đề xuất  
 560 những giải pháp trên là giáo viên cho rằng cơ sở vật  
 561 chất ở nhiều trường mầm non đã xuống cấp, một số  
 562 nơi còn xuống cấp nghiêm trọng; điều kiện làm việc  
 563 không đảm bảo; thu nhập không đủ sống, trong khi  
 564 thời gian dành cho công việc quá nhiều, công việc quá  
 565 nhiều áp lực; cách quản lý quan liêu, áp đặt, làm mất đi  
 566 động lực làm việc; quá ít cơ hội thăng tiến và chưa có  
 567 nhiều chính sách đặc thù hỗ trợ cho giáo viên. Điều  
 568 này cũng được thể hiện trong kết quả phỏng vấn sâu  
 569 giáo viên về những khó khăn mà giáo viên mầm non  
 570 gặp phải để nâng cao trình độ chuyên môn và chất  
 571 lượng giảng dạy (“Chế độ chính sách của giáo viên  
 572 mầm non còn thấp, không đảm bảo cuộc sống nên  
 573 ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng  
 574 trẻ” (GVMNTC18); “Cơ sở vật chất của một số nhà  
 575 trường đã xuống cấp, các trang thiết bị phục vụ nuôi  
 576 dạy trẻ còn thiếu, thiếu các phòng chức năng để giúp  
 577 trẻ phát triển toàn diện; phần lớn thời gian giáo viên  
 578 mầm non phải ở trường nên ít có thời gian chăm sóc  
 579 gia đình và bản thân cũng như dành cho việc đi học,  
 580 tự học, tự bồi dưỡng” (GVMNTC 30).  
 581 Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo viên mầm non  
 582 được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn cho 583 giáo viên 584
2. Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng 585 cho giáo viên mầm non 586
3. Cải thiện điều kiện làm việc của giáo viên 587 (phòng ốc, thiết bị, thông tin,...) và tạo điều 588 kiện cho giáo viên tham gia vào quá trình ra 589 quyết định và xây dựng chính sách của nhà 590 trường 591
4. Cải tiến cách quản lý theo hướng trao quyền 592 tự chủ cho giáo viên trong những quyết định 593 chuyên môn 594
5. Nâng cao hoạt động mạng lưới của kiểm tra và 595 mạng lưới chuyên môn 596
6. Cải cách chế độ tiền lương của giáo viên 597
7. Tăng cường chăm lo đời sống của giáo viên 598

Bên cạnh những giải pháp trên, giáo viên mầm non 599 cũng cho rằng ngành giáo dục nên xem xét giảm giờ 600 dạy, giảm áp lực công việc và để giáo viên được đưa ra 601 ý kiến về các chính sách liên quan đến họ. 602

## THẢO LUẬN 603

Về cơ bản, đội ngũ giáo viên mầm non tại tỉnh An 604 Giang đã đảm bảo về cơ cấu, đạt chuẩn và trên chuẩn 605 trình độ đào tạo. Hầu hết giáo viên mầm non có lòng 606 yêu nghề, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có 607 tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có năng lực 608 chuyên môn; năng lực nghiệp vụ sư phạm; năng lực 609 ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực sử dụng 610 ngoại ngữ. Kết quả này là tương đồng với kết quả 611 đánh giá giáo viên của ngành giáo dục tỉnh An Giang 612



**Bảng 4: Tự đánh giá của giáo viên về các giải pháp nâng cao chất lượng giáo viên mầm non [Nguồn: Nhóm tác giả]**

STT	Tiêu chí	Rất đồng ý và đồng ý	Phản văn	Không đồng ý và rất không đồng ý
1	Cải cách chế độ tiền lương của giáo viên	89,6	6,2	4,2
2	Tăng cường chăm lo đời sống của giáo viên	89,2	6,4	4,4
3	Cải thiện điều kiện làm việc của giáo viên (phòng ốc, thiết bị, thông tin,...)	92,7	3,2	4,1
4	Tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên	93,7	2,3	4
5	Nâng cao hoạt động mạng lưới của kiểm tra và mạng lưới chuyên môn	90,4	3,0	6,6
6	Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng cho giáo viên mầm non	93,6	2,4	4
7	Cải tiến cách quản lý theo hướng trao quyền tự chủ cho giáo viên trong những quyết định chuyên môn	91,5	3,8	4,7
8	Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia vào quá trình ra quyết định và xây dựng chính sách của nhà trường	92,7	3,2	4,1

613 khi cho rằng 90% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề  
 614 nghiệp, số lượng ở mức tốt là 62,6%; khá là 34,2%; đạt  
 615 là 2,8%; và chưa đạt chỉ chiếm 0,4%<sup>3</sup>.  
 616 Mặc dù, hầu hết giáo viên mầm non tỉnh An Giang đã  
 617 đạt chuẩn và đa số được đánh giá chất lượng ở mức  
 618 khá và tốt nhưng một số giáo viên còn hạn chế về  
 619 kiến thức giáo dục mầm non bao gồm giáo dục hòa  
 620 nhập trẻ tàn tật, khuyết tật và kiến thức phổ thông về  
 621 chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội liên quan đến giáo  
 622 dục mầm non cũng như kiến thức, kỹ năng về ngoại  
 623 ngữ, tin học, phương pháp giáo dục theo hướng lấy  
 624 trẻ làm trung tâm; đặc biệt là tỷ lệ giáo viên mầm non  
 625 trong mỗi tổ, lớp chưa đạt mức tối đa theo quy định;  
 626 đội ngũ giáo viên mầm non cho đến nay còn thiếu  
 627 nhiều về số lượng. Điều này đã khiến nhiều giáo viên  
 628 mầm non phải làm việc trong nhiều giờ, có ít thời gian  
 629 để tham gia học tập, cập nhật kiến thức và nâng cao  
 630 trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, họ còn gặp áp  
 631 lực trong công việc, quá tải, kiệt sức và không thể tập  
 632 trung vào từng trẻ, dẫn đến chất lượng giảng dạy bị  
 633 ảnh hưởng. Vì vậy, trong thời gian tới, ngành giáo  
 634 dục tỉnh An Giang cần tiếp tục quan tâm đảm bảo  
 635 số lượng giáo viên mầm non/ nhóm, lớp và nâng cao  
 636 trình độ chuyên môn cũng như bồi dưỡng kỹ năng  
 637 và phương pháp dạy học cho đội ngũ giáo viên mầm  
 638 non để tăng chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm  
 639 non. Điều này cũng phần nào được nhấn mạnh trong  
 640 báo cáo của ngành giáo dục tỉnh An Giang<sup>3</sup>. Đồng  
 641 thời, các kết quả nghiên cứu cũng khá tương đồng với  
 642 phát hiện của các nhà nghiên cứu trước đó. Cụ thể  
 643 là nghiên cứu của tác giả Nguyễn Mạnh Hùng<sup>8</sup> đã

644 cho thấy: “Việc thực hiện mục tiêu đào tạo, nội dung  
 645 chương trình đào tạo, hình thức và phương pháp đào  
 646 tạo trong nhà trường được đánh giá thực hiện khá tốt  
 647 ở các thứ bậc khác nhau”. Đồng thời, nghiên cứu của  
 648 Trần Thị Lan Hương<sup>9</sup> tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên  
 649 Giang cũng đã chỉ ra: “Chất lượng giáo dục mầm non  
 650 đã có sự phát triển theo chiều sâu về chất lượng. Đội  
 651 ngũ giáo viên mầm non được chuẩn hóa, cơ bản đáp  
 652 ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong  
 653 giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, công tác phát triển đội  
 654 ngũ giáo viên mầm non vẫn còn nhiều bất cập về số  
 655 lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên...”, từ đó  
 656 tác giả đề xuất nâng cao chất lượng và hiệu quả trong  
 657 việc phát triển đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn  
 658 nghề nghiệp.  
 659 Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số  
 660 giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng và phát  
 661 triển đội ngũ giáo viên mầm non tại tỉnh An Giang  
 662 để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục  
 663 mầm non trong thời gian tới. Cụ thể các giải pháp như  
 664 sau: (1) Đảm bảo đủ số lượng giáo viên, nếu không  
 665 thể bố trí đủ giáo viên theo quy định thì cần giảm số  
 666 học sinh trên lớp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho quá  
 667 trình giảng dạy và chăm sóc trẻ em, từ đó nâng cao  
 668 chất lượng giáo dục mầm non; (2) Tăng cường nâng  
 669 cao trình độ chuyên môn của giáo viên, nâng cao hoạt  
 670 động mạng lưới kiểm tra và mạng lưới chuyên môn,  
 671 cải tiến cách quản lý theo hướng trao quyền tự chủ cho  
 672 giáo viên trong những quyết định chuyên môn cũng  
 673 như tạo điều kiện cho giáo viên được quyền tham gia  
 674 vào quá trình ra quyết định và xây dựng chính sách

675 của nhà trường; (3) Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng,  
676 tự bồi dưỡng cho giáo viên mầm non, tạo điều kiện để  
677 giáo viên mầm non dành thời gian cho việc tự học, tự  
678 bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ  
679 của mình; (4) Cải cách chế độ tiền lương của giáo viên  
680 và tăng cường chăm lo đời sống của giáo viên cũng  
681 như cải thiện điều kiện làm việc của giáo viên (phòng  
682 ốc, thiết bị, thông tin,...); đồng thời, (5) Ngành giáo  
683 dục cần xem xét tăng cường chăm lo đời sống của giáo  
684 viên, giảm giờ dạy, giảm áp lực công việc, có chế độ  
685 khuyến khích trong công việc cũng như để giáo viên  
686 được đưa ra ý kiến về các chính sách liên quan đến họ.  
687

## 688 KẾT LUẬN

689 Giáo viên mầm non đóng vai trò quan trọng trong  
690 bậc học đầu tiên của trẻ em. Họ là lực lượng nòng  
691 cốt trong việc xây dựng và phát triển môi trường giáo  
692 dục toàn diện cho trẻ nhỏ. Chính vì vậy, ngoài việc  
693 truyền đạt kiến thức, có lòng yêu nghề, yêu trẻ, giáo  
694 viên mầm non hiện nay còn cần phải được đào tạo  
695 một cách chuyên nghiệp; có kỹ năng sư phạm, có trình  
696 độ tiếng Anh và tin học đủ để đáp ứng yêu cầu công  
697 việc theo chuẩn nghề nghiệp.

698 Trong thời gian qua, nhận thức và năng lực của đội  
699 ngũ giáo viên mầm non tỉnh An Giang đã không  
700 ngừng được nâng cao. Hầu hết đội ngũ giáo viên  
701 đều có năng lực dạy học, năng lực giáo dục, có tinh  
702 thần phát triển nghề nghiệp và phẩm chất ở mức khá,  
703 tốt. Tuy nhiên, đội ngũ giáo viên hiện nay vẫn còn  
704 một số hạn chế, bất cập trước các yêu cầu đổi mới và  
705 hội nhập. Mặc dù tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ  
706 đào tạo cao, nhưng năng lực ứng dụng những phương  
707 pháp dạy học và giáo dục mới, năng lực thực hiện các  
708 phương pháp kiểm tra đánh giá mới, năng lực ngoại  
709 ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo  
710 viên còn kém. Đồng thời, tỷ lệ giáo viên/lớp chỉ đáp  
711 ứng mức tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục  
712 mầm non, chưa đạt mức tối đa theo quy định; tay nghề  
713 và sự tâm huyết của một số giáo viên vẫn chưa đáp  
714 ứng được yêu cầu đổi mới; ở một số trường mầm non  
715 vẫn xảy ra tình trạng thừa hoặc thiếu giáo viên. Do  
716 đó, việc áp dụng đồng bộ các giải pháp đề xuất sẽ góp  
717 phần cải thiện những hạn chế, bất cập trong đội ngũ  
718 giáo viên mầm non cũng như góp phần nâng cao chất  
719 lượng đội ngũ giáo viên mầm non tại tỉnh An Giang  
720 trong thời gian tới.

## 721 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

722 Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBQLTT/TC: Cán bộ quản lý trường tu/trường công 724  
GVMNTT/TC: Giáo viên mầm non trường tu/trường 725  
công 726

## LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành 728  
phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số 729  
B2023-16-04. 730

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội. Luật Giáo dục 2019. Số 43/2019/QH14. Hà Nội; 2019, 732  
tr.8;. 733
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi 734  
Chương trình Giáo dục mầm non. 2019;. 735
3. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang. Báo cáo tình hình thực 736  
hiện nhiệm vụ cấp học mầm non năm học 2022-2023. 2023, 737  
tr.5;. 738
4. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Kế hoạch số 206/KH-UBND 739  
ngày 13/4/2022 thực hiện Đề án "Phát triển Giáo dục mầm non 740  
giai đoạn II 2021-2025, định hướng đến năm 2030" theo Quyết 741  
định số 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ". 2022;. 742
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT Ban hành 743  
quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; Available 744  
from: [https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=](https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=195730) 745  
[195730](https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=195730). 746
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội Vụ. (2015). Thông tư liên 747  
tịch Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định 748  
mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm 749  
non công lập; Available from: [https://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/](https://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=65824) 750  
[Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=65824](https://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=65824). 751
7. Morgan, K. Determining Sample Size For Research Ac- 752  
tivities Educational and Psychological Measurement. 753  
Vol. # 30. 1970; Available from: [https://doi.org/10.1177/](https://doi.org/10.1177/001316447003000308) 754  
[001316447003000308](https://doi.org/10.1177/001316447003000308). 755
8. Nguyễn Mạnh Hùng. Thực trạng đào tạo giáo viên mầm non 756  
ở các trường cao đẳng sư phạm Trung Ương. Tạp chí Giáo dục 757  
2018 (434 (Kì 2 - 7/2018)): tr.13-7;. 758
9. Trần Thị Lan Hương. Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên 759  
mầm non theo chuẩn nghề nghiệp tại huyện Tân Hiệp, tỉnh 760  
Kiên Giang. Tạp chí Giáo chức Việt Nam; 2023. Số 195, tr.27-29, 761  
ISSN 1859-2902;. 762

# The current status of the quality of preschool teachers in An Giang province

Nguyen Bach Thang, Tran Thi Huyen, Le Thi Hong Hanh\*, Huynh Thanh Tien, Chau SoryAly



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

Preschool teachers are one of the important factors that determine the educational quality of a unit. Currently, according to the statistics from the education sector of An Giang province, the whole province has 197 public and private preschools, nurseries, and kindergartens with 4,637 managers, facility owners, along with teachers and staff. The professional qualifications of preschool teachers meet the standard of 99.0%, of which 72.6% are above the standard. The mainly used research methods are questionnaire surveys and in-depth interviews. The research results of 502 preschool teachers on the quality of preschool teachers at both public and private schools show that the majority of preschool teachers are quite young: 62.8% of them are under 35 years old; 29.5% are between the ages of 36 and 45; and 7.8% are over 45 years old. Especially, 93.8% of them affirm that they have good capacity and qualities, love their jobs, and are attached to their schools. Only 5.4% of them are still hesitant and 0.8% of them do not think that they have enough capacity, qualities, and love for their profession as well as stick their schools. However, now, preschool teachers have some limitations and inadequacies in the face of innovation and integration requirements. They still lack foreign language proficiency, testing and evaluation competencies, and information technology application skills. Along with the above shortcomings, a local shortage of teachers still exists in some localities in the province. In addition, the results of in-depth interviews with the 36 managers and 36 preschool teachers also showed that some preschool teachers need to be trained in some skills related to their profession. The article proposes the solutions: (1) ensuring a sufficient number of preschool teachers; (2) improving their professional qualifications and professional management methods; (3) organizing good training and self-training for teachers; (4) reforming the salary regime, enhancing care for their life, and improving working conditions; and (5) the education sector needs to have appropriate policies and incentive activities to motivate preschool teachers in their career.

**Key words:** quality, preschool education, preschool teacher, An Giang province

An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

## Correspondence

**Le Thi Hong Hanh**, An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: lthhanh@agu.edu.vn

## History

- Received: 03-01-2024
- Revised: 21-8-2024
- Accepted: 29-9-2024
- Published Online:

## DOI :



## Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Cite this article :** Thang N B, Huyen T T, Hanh L T H, Tien H T, SoryAly C. **The current status of the quality of preschool teachers in An Giang province** . *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.